

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Tên gói thầu số 01: Mua thực phẩm nấu ăn cho đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Kiên Giang năm 2026.

Thuộc Dự toán: Mua thực phẩm nấu ăn cho đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Kiên Giang năm 2026.

Nội dung gói thầu: Mua sắm trang cấp, học phẩm

Địa điểm thực hiện: Trung tâm Bảo trợ xã hội Kiên Giang, Số 261 Ấp Hòa Bình, Xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang.

Nguồn vốn: Nguồn đảm bảo xã hội không giao tự chủ tại Trung tâm năm 2026.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Thời gian thực hiện: 11 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

Nhà thầu phải cung cấp đúng, đủ chủng loại và khối lượng hàng hóa nêu tại phạm vi cung cấp hàng hóa của E-HMST.

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa mới 100%, còn nguyên vẹn, kèm theo đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm (hoặc tương đương).

Nhà thầu phải có các phương án xử lý nếu xảy ra sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm khi thực hiện gói thầu. Có cam kết chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại đối với phần sự cố mà nguyên nhân do lỗi của nhà thầu.

Nếu có nghi ngờ về chất lượng hàng hoá khi giao hàng nhà thầu cam kết chi trả tất cả các chi phí phát sinh khi chủ đầu tư lấy mẫu và kiểm.

2.2. Yêu cầu về chất lượng

+ **Nhóm Rau, củ, quả tươi**, ... Thực phẩm phải tươi ngon, không được dập nát, không bị thối bên trong, phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

+ **Tinh bột:** Sử dụng các phụ gia thực phẩm theo quy định hiện hành. Tinh bột không được có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng theo quy định hiện hành. Mức giới hạn tối đa lưu lượng thuốc bảo vệ thực vật cho phép có trong gạo trắng theo quy định hiện hành.

+ **Nhóm Thực phẩm tươi sống...:** Tươi, không ươn thối, không được ngả màu, thực phẩm không được ôi thiu, phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ **Nhóm gia vị:** có nhãn mác, hạn sử dụng rõ ràng và phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ **Nhóm thực phẩm thủy hải sản:** Phải tươi, không tằm ướp hóa chất, không ôi, thiu. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ **Nhóm sữa:** Sữa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Màu sắc chuẩn, không bị biến màu, có mùi tự nhiên, không có mùi vị lạ hay bất cứ mùi đặc biệt khác, không bị hư hỏng..... Hạn sử dụng mới nhất

+ **Kiểm soát nguyên liệu đầu vào:**

- Nhà thầu phải có ít nhất 01 nhà cung cấp nguyên liệu an toàn vệ sinh thực phẩm đối với mỗi loại thực phẩm để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên liệu thực phẩm ổn định.

- Chọn mua nguyên liệu thực phẩm tại các cơ sở tin cậy, ổn định và có uy tín, có cửa hàng cố định, có xác nhận, chứng nhận về an toàn thực phẩm của các cơ quan có thẩm quyền. Đặc biệt là khi mua rau, quả, thịt, cá... chọn các cơ sở đã áp dụng “Thực hành nông nghiệp tốt” - VIETGAP. Khi mua nguyên liệu để sản xuất, chế biến thực phẩm nên có hợp đồng với cơ sở cung cấp nguyên liệu, có cam kết về chất lượng nguyên liệu của nhà cung ứng (Không lấy nguyên liệu từ các chợ đầu mối).

2.3. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|----------|------------------|---------------------------|-----|----------|
| I | Hàng khô | | | |
| 1 | Bột chiên giòn | Gói 150g | Gói | 120 |
| 2 | Bột khoai khía | Gói 100g | Gói | 110 |
| 3 | Bột năng đa dụng | Gói 400g | Gói | 65 |
| 4 | Canh tiềm gà | Hộp 100g | Hộp | 120 |
| 5 | Chao | Hũ 170g | Hũ | 240 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|--------------------|---------------------------|------|----------|
| 6 | Đậu đỏ | Gói 500g | Gói | 230 |
| 7 | Dầu hào | Chai 820g | chai | 54 |
| 8 | Đậu phộng | Gói 500g | Gói | 80 |
| 9 | Đậu trắng | Gói 500g | gói | 264 |
| 10 | Dầu trộn salad | Chai 270g | chai | 245 |
| 11 | Đậu xanh hạt | Gói 500g | Gói | 496 |
| 12 | Gạo nếp | Nếp ngỗng 1kg | kg | 44 |
| 13 | Gia vị bò kho | Gói 25g | Gói | 30 |
| 14 | Gia vị phở bò | Gói 24g | Gói | 160 |
| 15 | Hạt điều màu | Gói 50g | Gói | 58 |
| 16 | Hạt sen tươi | Gói 200g | Gói | 100 |
| 17 | Mắm ruốc | Đảm bảo chất lượng | kg | 20 |
| 18 | Mắm ruốc Huế | Hũ 430g | hũ | 16 |
| 19 | Nấm hương khô | Gói 50g | Gói | 245 |
| 20 | Nấm mèo đen | Gói 50g | Gói | 60 |
| 21 | Nghệ bột | Gói 50g | Gói | 70 |
| 22 | Nước cốt dừa | Lon 400ml | lon | 312 |
| 23 | Sốt Ragu kiểu Pháp | Gói 90g | Gói | 60 |
| 24 | Sữa đặc | Hộp 380gram | hộp | 36 |
| 25 | Tương cà | Chai 2.1kg | chai | 118 |
| 26 | Tương hạt | Hũ 450g | hũ | 45 |
| 27 | Tương ớt | Chai 830g | chai | 121 |
| 28 | Tương ớt chua ngọt | Chai 270g | chai | 475 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------|---|-----|----------|
| 29 | Sữa chua có đường | sữa chua ăn có đường 60g | Lốc | 549 |
| 30 | Sữa chua có đường | Sữa chua ăn có đường 100g | Lốc | 975 |
| 31 | Sữa uống lên men | Sữa chua uống lên men 65ml | Lốc | 728 |
| 32 | Sản phẩm dinh dưỡng | <p>Cung cấp các dưỡng chất thiết yếu giúp bé 0 - 6 tháng phát triển khỏe mạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường đề kháng: bảo vệ hệ miễn dịch của bé. - Hỗ trợ tiêu hóa & phát triển cơ thể: dễ tiêu hóa, hấp thu tốt; giảm 49% nguy cơ tiêu chảy ở trẻ dưới 1 tuổi. - Phát triển trí não & thị lực: DHA & ARA giúp trí não và mắt phát triển toàn diện. - Tăng trưởng chiều cao tối ưu: Canxi và Vitamin D hỗ trợ hệ xương chắc khỏe. <p>Hộp 800g</p> | Hộp | 50 |
| 33 | Sản phẩm dinh dưỡng | Sản phẩm dinh dưỡng công thức bổ sung các dưỡng chất thiết yếu, phù hợp với nhu cầu của trẻ từ 6-12 tháng tuổi, hỗ trợ trẻ tiêu hóa tốt, tăng cường đề kháng và phát triển khỏe mạnh. | Hộp | 45 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------|--|-----|----------|
| | | <p>Tăng cường đề kháng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giúp trẻ tăng cường miễn dịch. • Hỗ trợ tiêu hóa và phát triển thể chất • Giúp trẻ dễ tiêu hóa, dễ hấp thu và phát triển hệ mô, cơ. <p>Hỗ trợ chiều cao và trí não</p> <ul style="list-style-type: none"> • DHA & ARA: Hỗ trợ phát triển trí não và thị lực. • Canxi & Vitamin D: hỗ trợ phát triển chiều cao. <p>Hộp 800g</p> | | |
| 34 | Sản phẩm dinh dưỡng | <p>Bổ sung các dưỡng chất thiết yếu giúp hỗ trợ tiêu hóa, tăng cường sức đề kháng của trẻ trong giai đoạn 1 - 2 tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hỗ trợ tối ưu cho quá trình phát triển não bộ và thị lực của bé. - Bổ sung các dưỡng chất thiết yếu giúp hỗ trợ tiêu hóa, tăng cường sức đề kháng của trẻ. - Giúp tăng cường sức đề kháng, giảm tỷ lệ bệnh vặt, giảm số lượng hại khuẩn đường ruột. - Giúp phát triển thể chất, hệ xương chắc khỏe cho bé. | Hộp | 180 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|------------------------------|---|------|----------|
| | | Hộp 800g | | |
| 35 | Dầu ăn | Dầu ăn (cá hồi dành cho bé). Chai 250ml | Chai | 55 |
| 36 | Bột ăn dặm vị ngọt | 4 gói vị ngọt – Hộp 200g | Hộp | 20 |
| 37 | Bột ăn dặm vị mặn | 4 gói vị mặn – Hộp 200g | Hộp | 30 |
| II | Thực phẩm tinh bột | | | |
| 1 | Bánh bao thịt heo trứng muối | 400g (gói 4 cái) | Gói | 130 |
| 2 | Bánh canh gạo | Bánh canh gói 500g | Gói | 990 |
| 3 | Bánh mì | Bánh mì sandwich tươi lát gói 490g | Gói | 390 |
| 4 | Bánh phở | Bánh phở tươi gói 500g | Gói | 880 |
| 5 | Bánh tằm | Bánh tằm gói 500g | Gói | 1.430 |
| 6 | Bánh ướt | Bánh ướt gạo gói 500g | Gói | 360 |
| 7 | Bún bò Huế | Bún bò Huế gói 500g | Gói | 880 |
| 8 | Bún tươi sợi nhỏ | Bún tươi gói 500g | Gói | 4.620 |
| 9 | Hủ tiếu khô | Hủ tiếu khô gói 300g | Gói | 450 |
| 10 | Mì trứng cao cấp | Mì trứng cao cấp gói 500g | Gói | 275 |
| 11 | Miến đậu xanh | Miến đậu xanh gói 400g | Gói | 240 |
| 12 | Nui xoắn | Nui xoắn gói 300g | gói | 465 |
| III | Thực phẩm tươi sống | | | |
| 1 | Bò xay | Tươi ngon | kg | 273 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------|---|-----|----------|
| 2 | Cá Basa nguyên con | Cá Basa nguyên con. Tươi ngon, Con từ 0,8-1kg/con, bỏ đầu, làm sạch bỏ đầu, lấy ruột. Tiêu chuẩn vietGAP | kg | 1.598 |
| 3 | Cá cam | Tươi ngon, Con từ 0,8-1kg/con, làm sạch mang và ruột | kg | 1.530 |
| 4 | Cá điêu hồng | Tươi ngon, Con từ 0,8-1kg/con, làm sạch, đánh vẩy, móc mang, lấy ruột. Tiêu chuẩn vietGAP | kg | 3.853 |
| 5 | Cá đổng | Tươi ngon, Con từ 0,2-0,3kg/con, làm sạch, bỏ đầu, bỏ ruột, đánh vẩy | kg | 945 |
| 6 | Cá hồi phi lê | File cá hồi còn da mảnh kg | kg | 63 |
| 7 | Cá lóc đen nguyên con | Cá lóc đen nguyên con. Tươi ngon, Con từ 0,6-0,7kg/con, làm sạch, bỏ đầu, bỏ ruột, đánh vẩy. Tiêu chuẩn vietGAP | kg | 1.825 |
| 8 | Cá nục hoa | Tươi ngon, làm sạch, bỏ đầu, bỏ ruột | kg | 792 |
| 9 | Cá nục xốt cà | Cá nục xốt cà 155g | Hộp | 4.400 |
| 10 | Cá rô (Vietgap) | Tươi ngon, Con từ 0,4-0,5gr, làm sạch, bỏ đầu, bỏ ruột. Tiêu chuẩn vietGAP | kg | 880 |
| 11 | Cá viên basa hấp | Cá viên basa hấp 500g | Gói | 510 |
| 12 | Cánh gà đông lạnh nhập khẩu | Tươi ngon, nguyên cánh | kg | 760 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|-----------------------|--|------------|-----------------|
| 13 | Chả cá basa chiên | Chả cá chiên 300g, gói 6 miếng | Gói | 1.935 |
| 14 | Chả cá thác lát | Cá thác lát nạo. Tươi ngon. Tiêu chuẩn vietGAP | kg | 126 |
| 15 | Chả lụa cá | Chả lụa cá 500g | Gói | 1.080 |
| 16 | Chân giò heo | Chân giò heo | kg | 100 |
| 17 | Cua xay | Tươi ngon | kg | 179 |
| 18 | Đậu hũ chiên loại lớn | Đậu hũ chiên loại lớn 120g | miếng | 3.560 |
| 19 | Đậu hũ trắng loại lớn | Đậu hũ trắng loại lớn 120g | miếng | 710 |
| 20 | Đùi tỏi gà nhập khẩu | Đùi tỏi gà nhập khẩu, Tươi ngon | kg | 2.589 |
| 21 | Ếch nguyên con | Ếch nguyên con làm sạch. Tiêu chuẩn vietGAP | kg | 228 |
| 22 | Gà thả vườn | Gà thả vườn đông lạnh, Tươi ngon, làm sạch | kg | 555 |
| 23 | Gan heo | Gan heo, tươi ngon | kg | 8 |
| 24 | Giò lụa | Giò lụa 500g | Gói | 75 |
| 25 | Giò sống | Tươi ngon | Kg | 242 |
| 26 | Lòng gà công nghiệp | Lòng gà công nghiệp, Tươi ngon | Kg | 285 |
| 27 | Lưỡi heo | Tươi ngon | kg | 12 |
| 28 | Lươn nguyên con | Lươn nguyên con. Tươi ngon, làm sạch. Tiêu chuẩn vietGAP | Kg | 162 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|-----------|-----------------------------|--|-----|----------|
| 29 | Mắm cá linh xay | Đảm bảo chất lượng, không hư | Kg | 40 |
| 30 | Nạc đùi bò | Tươi ngon, nạc đùi bò Úc | kg | 30 |
| 31 | Nạc đùi heo | Tươi ngon | kg | 288 |
| 32 | Nạc rọi heo xay | Tươi ngon | kg | 3.330 |
| 33 | Nạm bò | Tươi ngon, Nạm bò Úc | kg | 90 |
| 34 | Sườn cốt lết heo | Thịt cốt lết heo | kg | 160 |
| 35 | Sườn non chay | Đảm bảo chất lượng, không mốc | kg | 12 |
| 36 | Thịt đùi heo | Tươi ngon | kg | 4.030 |
| 37 | Thịt hén | Tươi ngon | kg | 120 |
| 38 | Tôm thẻ | Tươi ngon, size 51-60con/kg | kg | 1.070 |
| 39 | Trứng gà | Trứng gà tươi, 10 trứng/hộp | Vì | 500 |
| 40 | Trứng vịt | Trứng vịt tươi, 10 trứng /hộp | Vì | 2.707 |
| 41 | Trứng vịt muối | Trứng vịt muối, Không hư, 4 trứng /hộp | Hộp | 325 |
| 42 | Ức gà file không da | Ức gà file đông lạnh | kg | 668 |
| 43 | Vịt nguyên con | Vịt 1/2 con đông lạnh | Kg | 2.305 |
| 44 | Xương đuôi heo | Xương đuôi heo | Kg | 120 |
| IV | Thực phẩm rau củ quả | | | |
| 1 | Bắp cải thảo | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 1.326 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|---------------------|--------------------------------------|------------|-----------------|
| 2 | Bắp cải trắng | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 2.265 |
| 3 | Bắp chuối bào | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap - 200g | Gói | 1.575 |
| 4 | Bắp non | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap - 200g | Gói | 80 |
| 5 | Bắp trái siêu ngọt | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | trái | 80 |
| 6 | Bầu | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 1.350 |
| 7 | Bí đao | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 1.710 |
| 8 | Bí đỏ tròn | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 1.909 |
| 9 | Bông cải trắng | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 60 |
| 10 | Bông cải xanh | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 60 |
| 11 | Cà chua | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 2.238 |
| 12 | Cà rốt | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 939 |
| 13 | Cà tím | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 60 |
| 14 | Cải bẹ xanh | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 575 |
| 15 | Cần tàu | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 43 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|---------------------|-------------------------------------|------------|-----------------|
| 16 | Củ cải muối | Đảm bảo chất lượng, không hư | kg | 15 |
| 17 | Củ cải muối bào sợi | Đảm bảo chất lượng, không hư - 200g | Gói | 500 |
| 18 | Củ cải trắng | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 342 |
| 19 | Củ dền | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 230 |
| 20 | Củ sen | Tươi ngon, đảm bảo ATTP | kg | 44 |
| 21 | Đậu bắp | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 400 |
| 22 | Diếp cá | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 4 |
| 23 | Đu đủ xanh (tía) | Tươi ngon, đảm bảo ATTP | kg | 1.360 |
| 24 | Dưa cải chua | Tươi ngon, đảm bảo ATTP | kg | 216 |
| 25 | Dưa leo | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 410 |
| 26 | Giá đậu xanh | Tươi ngon, đảm bảo ATTP – gói 300g | Gói | 2.301 |
| 27 | Gừng | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 69 |
| 28 | Hành lá | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 167 |
| 29 | Hành Tây | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 150 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|------------------------------|--|------------|-----------------|
| 30 | Hẹ lá | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 215 |
| 31 | Khổ qua | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 1.180 |
| 32 | Khoai lang | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 215 |
| 33 | Khoai mỡ | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 630 |
| 34 | Khoai môn cao | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 723 |
| 35 | Khoai tây (Đà Lạt) | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 110 |
| 36 | Lá giang | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 4 |
| 37 | Me vắt | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 45 |
| 38 | Muróp hương | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 1.100 |
| 39 | Nấm đùi gà baby | Tươi ngon, hàng nhập khẩu, đảm bảo ATTP – gói 200g | Gói | 749 |
| 40 | Ớt chuông (xanh - đỏ - vàng) | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 80 |
| 41 | Ớt hiểm | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 67 |
| 42 | Rau bò ngót | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 312 |
| 43 | Rau cải bó xôi | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 45 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|-------------------------|----------------------------------|------------|-----------------|
| 44 | Rau cải ngọt | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 1.370 |
| 45 | Rau dền tía | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 675 |
| 46 | Rau húng cây | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 4 |
| 47 | Rau lá quế (húng quế) | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 47 |
| 48 | Rau mồng tơi | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 840 |
| 49 | Rau muống | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 885 |
| 50 | Rau ngò gai | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 19 |
| 51 | Rau ngò ôm | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 21,8 |
| 52 | Rau răm | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 24 |
| 53 | Rau xà lách (Lolo xanh) | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 10 |
| 54 | Sả cây | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 365 |
| 55 | Táo đỏ sấy dẻo | Đảm bảo chất lượng, không hư mốc | kg | 12 |
| 56 | Thơm trái còn vỏ | Tươi ngon, đảm bảo ATTP | trái | 790 |
| 57 | Cam sành | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 766 |

| Stt | Tên hàng hóa | Thông số/yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Số lượng |
|------------|-------------------------------|---|------------|-----------------|
| 58 | Chuối | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 618 |
| 59 | Đu đủ chín | Tươi ngon, đảm bảo ATTP | kg | 601 |
| 60 | Dưa Hấu đỏ loại 1 | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 698 |
| 61 | Lê nâu | Hàng nhập khẩu- giấy tờ hải quan theo quy định của nhà nước hiện hành | kg | 585 |
| 62 | Quýt đường | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 467 |
| 63 | Táo bi đỏ Mỹ | Hàng nhập khẩu- giấy tờ hải quan theo quy định của nhà nước hiện hành | kg | 349 |
| 64 | Táo xanh (Táo hồng Phan Rang) | Tươi ngon, đảm bảo ATTP | kg | 300 |
| 65 | Thanh Long | Tươi ngon, tiêu chuẩn VietGap | kg | 620 |

Ghi chú:

- Nội dung mô tả Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu, chất lượng phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu. Miễn là nhà thầu chứng minh cho bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo “tương đương” hoặc “ưu việt” so với yêu cầu được quy định tại Chương V.

- Tương đương được hiểu là tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. **Để chứng minh sự tương đương hoặc phù hợp của hàng hóa dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải có bảng dữ liệu dự thầu về mặt kỹ thuật so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng.**

BẢNG DỮ LIỆU DỰ THẦU VỀ MẶT KỸ THUẬT

| STT | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật theo yêu cầu của EHSMT | Thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu trong E-HSMT | Ký hiệu | Nhãn hiệu | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Nhà thầu tự đánh giá |
|-----|--------------|--|---|---------|-----------|---------|---------------|----------------------|
| | | | | | | | | |

2.4. Các yêu cầu khác

- Khi xảy ra sự cố về ngộ độc thực phẩm, bên cung cấp phải cử người đại diện có mặt ngay lập tức đến Đơn vị để giải quyết. Bên cung cấp sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn khi xảy ra ngộ độc thực phẩm và có kết luận chính thức của cơ quan chức năng. Khi đó, bên cung cấp sẽ thanh toán toàn bộ chi phí liên quan cho bệnh nhân ngộ độc thực phẩm.

3. Bản vẽ: Không yêu cầu**4. Kiểm tra và thử nghiệm:**

Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc mua nguyên liệu, lương thực và thực phẩm. Nhà thầu cam kết lựa chọn nhà cung cấp uy tín và bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà thầu cam kết kiểm tra chất lượng và vệ sinh an toàn

thực phẩm để luôn bảo đảm chất lượng sản phẩm là tốt nhất. Cán bộ quản lý điều hành của Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm tổ chức hàng ngày việc nhận thực phẩm và đảm bảo đúng theo quy định pháp luật, quy trình quản lý của Nhà thầu (phân loại, đóng gói, dán nhãn...).